TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 15/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mây

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Huế

Bà: Hà Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07 /2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Hứa Văn C**, sinh ngày 08/11/1990

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C.
Nơi cư trú: xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C.
Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Nùng
Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Hứa Văn L sinh năm 1966 và bà Kê Thị K sinh năm 1969; vợ Hà Thị Y sinh năm 1994, có 01 (một) con sinh năm 2014.
Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không.
Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 8/11/2017 đến ngày 17/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo **Bàn Dào P**, tên gọi khác: Bàn Tòn K1, sinh ngày 01/01/1989

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm P, xã H, huyện B, tỉnh C.

Nơi cư trú: xóm P, xã H, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Dao

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Bàn Dùn N, sinh năm 1969 và bà Đặng Mùi P1 sinh năm 1970; vợ Đặng Mùi M sinh năm 1989, có 01 (một) con sinh năm 2007.

Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 8/11/2017 đến ngày 17/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Bị cáo **La Văn C1**, sinh năm 1979

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C.

Nơi cư trú: xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: La Văn C2 (đã chết) và bà Dương Thị L1 sinh năm 1935; vợ Lày Thị M1 sinh năm 1973, có 04 (bốn) con con lớn sinh năm 2000 con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 8/11/2017 đến ngày 17/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Bị cáo **Mông Văn C3**, sinh ngày 12/7/1990

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm B, xã X, huyện B, tỉnh C.

Nơi cư trú: xóm B, xã X, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày

Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Mông Văn T, sinh năm 1946 và bà Lãnh Thị S (đã chết); vợ Lang Thị H sinh năm 1988, có 01 (một) con sinh năm 2015.

Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 8/11/2017 đến ngày 17/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. Bị cáo **Quan Văn C4**, sinh ngày 28/12/1989;

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm N, xã C, huyện B, tỉnh C.

Nơi cư trú: xóm N, xã C, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Tày

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Quan Văn T, sinh năm 1969 và bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1964; vợ Quan Thị B sinh năm 1988, có 02 (hai) con, con lớn sinh năm 2008 và con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 8/11/2017 đến ngày 17/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6. Bị cáo **Triệu Chòi Q**, sinh ngày 02/3/1975

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm P, xã H, huyện B, tỉnh C.

Nơi cư trú: xóm P, xã H, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Dao;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lý Đức T1, sinh năm 1942 và bà Triệu Mùi M2, sinh năm 1952; vợ Triệu Mùi C5 sinh năm 1978, có 02 (hai) con, con lớn sinh năm 1997 con nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 8/11/2017 đến ngày 17/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 15/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc Quyết định đưa vụ án ra xét xử (Quyết định số 03/2018/QĐXXST-HS) và thực hiện việc tống đạt Quyết định xét xử và triệu tập bị cáo tại ngoại đối với Triệu Chòi Q.

Ngày 22/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc nhận được Công văn số 05/CV-UBND ngày 19/03/2018 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh C trả lời về việc bị cáo Triệu Chòi Q không có mặt tại nơi cư trú.

Ngày 22/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc có Công văn số 203/CV-TA yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định truy nã đối với bị cáo Triệu Chòi Q.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định truy nã số: 02 ngày 26/3/ 2018 đối với bị cáo Triệu Chòi Q.

Ngày 27/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã Quyết định Tạm đình chỉ vụ án số 01/2018/HSST-QĐ ngày 27/3/2018.

Ngày 02/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc nhận được Thông báo số 15/CQCSĐT ngày 02/5/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng về việc Truy nã bị cáo Triệu Chòi Q không có kết quả.

Ngày 02/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc Quyết định phục hồi vụ án số 01/2018/HSST-QĐ và đồng thời Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 12/02/2018 và tiến hành việc niêm yết công khai Quyết định xét xử đối với bị cáo Triệu Chòi Q. (Bị cáo Triệu Chòi Q vắng mặt tại phiên tòa)

7. Bị cáo **Nông Văn Th**, sinh ngày 10/10/1984

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm L, xã C, huyện T, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: xóm B, xã C, huyện T, tỉnh C.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Nùng

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nông Văn Kh, sinh năm 1952 và bà Hoàng Thị L2, sinh năm 1959; vợ Sẩn Mùi Ph sinh năm 1990, có 01 (một) con sinh năm 2012.

Tiền án: không; Tiền sự: không

Nhân thân: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh C tuyên phạt 5.000.000đ (Năm triệu đồng) về tội đánh bạc, đã được xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

8. Bị cáo **Nông Văn L**, sinh ngày 16/9/1985

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm B, xã X, huyện B, tỉnh C.

Nơi cư trú: xóm B, xã X, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Tày;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nông Văn Kh, sinh năm 1960 và bà Lương Thị Đ (đã chết); vợ Lãnh Thị D sinh năm 1993, có 01 (một) con sinh năm 2015.

Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

9. Bị cáo **Kê Văn Đ1**, sinh ngày 24/12/1973

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm B, xã K, huyện B, tỉnh C.

Nơi cư trú: xóm B, xã K, huyện B, tỉnh Cg.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Tày

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Kê Văn H1 (đã chết) và bà Nông Thị M3 (đã chết); vợ Lý Thị Ph sinh năm 1971, có 02 (hai) con, con lớn sinh năm 1995 con nhỏ sinh năm 1997.

Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

10. Bị cáo **Hoàng Văn H2**, sinh ngày 06/6/1975

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh C.

Nơi cư trú: Xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Nùng;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hoàng Văn Ch, sinh năm 1946 và bà Hoàng Thị Ph, sinh năm 1949; vợ Ma Thị H3 sinh năm 1989, có 03 (ba) con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 07/11/2017, tổ công tác Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng làm nhiệm vụ tuần tra phát hiện và đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi đánh bạc tại nhà của Hứa Văn C ở xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C gồm các đối tượng: Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Nông Văn L3, Triệu chòi Q và La Văn C1.

Tổ công tác đã tạm giữ những đồ vật, tài sản: 01(Một) chiếc bát con, 01(Một) chiếc đĩa, 04 (Bốn) quân bài hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá; 13.751.000,đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn đồng) được thu từ dưới chiếu, dưới gầm giường trong buồng ngủ, trong tủ quần áo. Các đối tượng bị bắt khai nhận tiền dùng để đánh bạc được tẩu tán, cất giấu khi bị phát hiện, bắt quả tang. 08 (Tám) điện thoại di động của các đối tượng; Số tiền tạm giữ trên người của Nông Văn Th 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); Số tiền tạm giữ trên người của Quan Văn C4 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng);

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 07/11/2017, Hứa Văn C sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C đi chơi ở chợ thị trấn B, huyện B thì gặp Nông Văn Th, Mông Văn C3, Bàn Dào P. Do có quen biết từ trước nên C rủ cả nhóm về nhà C ở N, xã T chơi và cả ba người đều đồng ý. Khoảng 20 giờ cả nhóm về đến nhà C, sau đó Th, C4, P ngồi chơi còn C đi mua rượu và chè, khi đó có Hoàng Văn H2 và L4 đến, trong lúc nói chuyện thì cả nhóm nảy sinh ý định đánh bạc ăn tiền bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền mặt, rồi P cắt quân bài bằng vỏ bao thuốc lá nhưng không đều nên vứt đi, sau đó H2, Q thay nhau cắt lại quân bài. Cắt xong các quân bài C3, P, H2, L4, Th bắt đầu chơi, khi bắt đầu chơi C3 là người cầm cái đầu tiên, xóc đĩa với 04 (Bốn) con xúc xắc bằng vỏ bao thuốc lá cắt hình tròn được đặt trong 01 (Một) chiếc đĩa và 01(Một) chiếc bát đặt úp lên, phương thức chơi đặt cửa chẵn hoặc cửa lẻ, mỗi lần đặt cược từ 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) đến 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) những người tham gia thay nhau cầm đĩa xóc. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày Kê Văn Đ1 và La Văn C1 đến nhà C để chơi, khi vào nhà thấy nhóm người trong nhà đang chuẩn bị đánh bạc nên vào xem và được nhóm người đánh gom tiền đưa cho Đ1 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) ra ngoài canh gác cho nhóm trong nhà chơi, C ở ngoài nảy sinh ý định tham gia rồi xin của Th và C3 mỗi người 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tham gia chơi được hai ván thua không chơi nữa; Triệu Chòi Q do xe hỏng nên đến nhà C ngủ nhờ, thấy nhóm đánh bạc nên tham gia chơi một ván hết 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) thua nên Q không đánh nữa; tiếp đó có L4 (không xác định được nhân thân, lai lịch) đến tham gia và cầm cái; La Văn C1 đi bộ đến nhà C thấy đánh bạc vào xem và xin L4 được 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) chơi được hai ván thua không chơi nữa; Khoảng 22 giờ Quan Văn C4 và Kiều Duy Nh đến với mục đích lấy xe máy mà C đã mượn C4 trước đó, thấy đánh bạc C4 cũng tham gia chơi được 06 (Sáu) ván thua mất 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) và không chơi nữa; Khoảng 22 giờ Nông Văn L3 đến đón C3, thấy đánh bạc L3 tham gia chơi một ván thua mất 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). Tại nhà C còn có Nông Văn Q1, Hứa Văn Q2, Kiều Duy Nh, Phùng Chỉnh Ch, Lý Văn C6 đứng xem đánh bạc nhưng không tham gia. Đến khoảng 23 giờ thì nhóm đánh bạc bị Tổ công tác Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng phát hiện, bắt quả tang. Khi đó Kê Văn Đ1 là người đang canh gác thấy Tổ công tác Công an huyện Bảo Lạc đã hô to "có Công an" rồi bỏ trốn, khi lực lượng Công an đẩy cửa vào nhà Hứa Văn C thì L4 và Hoàng Văn H2 đã trốn thoát.

Ngày 09/11/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Bảo Lạc đã triệu tập Kê Văn Đ1 để xác minh làm rõ, Đ1 khai nhận đêm 07/11/2017 Đ1 nhận được điện thoại của La Văn C1 rủ đến nhà Lý Văn C7 ở N, xã T chơi. Tại nhà của Hứa Văn C, Đ1 thấy một số đang ngồi uống nước chè, một số người đang chơi xóc đĩa, ăn tiền. Bị cáo được mấy người này gom tiền và Hứa Văn C trực tiếp đưa cho Đ1 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) gồm 05 (Năm) tờ 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) để Đ1 ra ngoài canh gác cho mọi người đánh bạc. Khi thấy Công An đến Đ1 đã hô "Cất đi" và bỏ trốn.

Ngày 18/12/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Bảo Lạc đã triệu tập Hoàng Văn H2 để điều tra làm rõ và ngày 04/01/2018 H2 đã khai nhận được tham gia đánh bạc cùng với Th, C3, P, C4, Q vào ngày 07/11/2017 tại nhà Hứa Văn C sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho ông Hứa Văn Q2 và Lý Văn C6 là người đứng xem đánh bạc ngày 07/11/2017 tại nhà Hứa Văn C sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C 02 (Hai) điện thoại di động; Trả cho Quan Văn C4 số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi tư triệu đồng) là tiền của ông Sùng A T2, trú tại xóm N, xã C, huyện B, tỉnh C. (Quyết định số 27/CSĐT ngày 04/12/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc).

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc đã truy tố các bị cáo Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Triệu chòi Q, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1, Hoàng Văn H2 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Tuyên xử các bị cáo Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Triệu Chòi Q, Quan Văn C4, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1, Hoàng Văn H2, phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng: khoản 1 điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt các bị cáo Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1, Hoàng Văn H2 với mức hình phạt từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội "Đánh bạc".

Áp dụng: khoản 1 Điều 248; Điều 33; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Xử phạt bị cáo Triệu Chòi Q 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù về tội "Đánh bạc".

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, trái với quy định của pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1, Hoàng Văn H2 thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ.

Đối với bị cáo Triệu Chòi Q quá trình điều tra, truy tố bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, cùng các bị cáo Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1, Hoàng Văn H2 tham gia đánh bạc vào ngày 07/11/2017 tại nhà Hứa Văn C sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo Triệu Chòi Q trốn khỏi địa phương, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy nã (Quyết định số: 02 ngày 26/3/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc) nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa các bị cáo Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1 và Hoàng Văn H2 đều khẳng định bị cáo Triệu Chòi Q cùng tham gia đánh bạc vào ngày 07/11/2017 tại nhà Hứa Văn C. Do đó có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Triệu Chòi Q cùng tham gia đánh bạc vào ngày 07/11/2017 tại nhà Hứa Văn C sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C.

Bị cáo Kê Văn Đ1 mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng là đồng phạm đắc lực, giúp sức cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc bằng cách nhận một khoản tiền để làm người cảnh giới cho các bị cáo đánh bạc đêm 07/11/2017 tại nhà của Hứa Văn C trú tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Ngày 07/11/2017 tại nhà của Hứa Văn C sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh C các bị cáo đã cùng nhau đánh bạc bằng hình

thức xóc đĩa. Số tiền các bị cáo cùng nhau đánh bạc trên chiếu bạc là 13.751.000,đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn đồng)

Điều 248 Bộ luật Hình sự quy định: "1. *Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay bằng hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm".*

Như vậy, hành vi của bị cáo Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Triệu chòi Q, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1, Hoàng Văn H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc".

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc truy tố đối với các bị cáo Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Triệu chòi Q, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1, Hoàng Văn H2 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân của các bị cáo:

- Các bị cáo Hứa Văn C, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1 và Hoàng Văn H2 đều sinh ra và lớn lên tại huyện B, tỉnh C, được gia đình nuôi ăn học nhưng đều sớm bỏ học. Các bị cáo là người có sức khỏe lao động, đã có gia đình riêng, không có tiền án tiền sự, chỉ vì ham muốn lợi ích trước mắt và không làm chủ được bản thân nên đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Động cơ tư lợi, mục đích tước đoạt tiền của nhau. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Đối với các bị cáo Hứa Văn C, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1 và Hoàng Văn H2 xét thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần có một mức án nhất định giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục.

- Bị cáo Triệu Chòi Q sinh ra và lớn lên tại tại xóm P, xã H, huyện B, tỉnh C, được học đến lớp 3 sau đó bỏ học. Bị cáo là người có sức khỏe lao động, có gia đình riêng không có tiền án, tiền sự chỉ vì ham muốn lợi ích trước mắt và không làm chủ được bản thân nên đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Động cơ tư lợi, mục đích tước đoạt tiền của nhau. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Tuy nhiên sau khi kết thúc giai đoạn điều tra, truy tố được áp dụng biện pháp

ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương. Tòa án đã có công văn đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Bảo Lạc truy nã bị cáo đồng thời tạm đình chỉ vụ án. Sau khi truy nã không có kết quả Cơ quan điều tra thông báo cho Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án. Đối với bị cáo cần có một mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo thành một công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

- Bị cáo Nông Văn Th sinh ra và lớn tại xã C, huyện T, tỉnh C, được học hết lớp 12, bản thân là giám đốc doanh nghiệp có hiểu biết pháp luật. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Bị cáo là người có nhân thân xấu năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh C tuyên phạt 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) về tội đánh bạc, đã được xóa án tích. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xét thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần có một mức án nhất định giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục.

[3] Về xử lý vật chứng:

+ 01 (Một) chiếc bát con, 01 (Một) chiếc đĩa, 04 (Bốn) quân bài hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá là công cụ phạm tội hiện nay không có giá trị sử dụng nên xét cần tịch thu tiêu hủy.

+ Tiền mặt 13.751.000,đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam được thu từ dưới chiếu, dưới gầm giường trong buồng ngủ, trong tủ quần áo, các bị cáo khai nhận là tiền dùng để đánh bạc được tẩu tán, cất giấu sau khi bị phát hiện, bắt quả tang xét cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

+ 06 (Sáu) điện thoại di động các loại khác nhau: 01(Một) Điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng, số IMEL 1:354467/07/017731/9. IMEL 2: 354468/07/017731/7 (vỡ màn hình, máy cũ đã qua sử dụng) của Nông Văn L3; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen, số IMEL 353631/06/011136/1, IMEL 2: 353631/06/011137/9, vỡ màn hình đã qua sử dụng là điện thoại của Mông Văn C3; 01 (Một) điện thoại mặt trước có chữ VAT loại bàn phím, số IMEL 863407020160639 là điện thoại của Triệu Chòi Q; 01 (Một) điện thoại mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng nhãn hiệu VIVO máy đã qua sử dụng, là điện thoại của Bàn Dào P (Máy nguyên khối, có dán giáy ở ngoài mang tên Bàn Dào P, không mở được máy do cài đặt mật khẩu, không kiểm tra được số IMEL); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, đã qua sử dụng, điện thoại của Quan Văn C4 (Máy nguyên khối, có dán giáy ở ngoài mang tên Quan Văn C4, không mở được máy do cài đặt mật khẩu, không kiểm tra được số IMEL); 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, mặt trước màu trắng, mặt sau màu bạc có số ID 2014CP4543, điện thoại đã qua sử dụng, đã vỡ màn hình là điện thoại của Hứa Văn C. Đối với số điện

thoại trên quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi đánh bạc nên xét cần trả lại cho các bị cáo.

+ Đối với số tiền thu trên người của Nông Văn Th 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi đánh bạc nên xét cần trả lại cho bị cáo.

Toàn bộ số vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2018.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung 2009. Tuyên bố: Các bị cáo Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1, Hoàng Văn H2, Triệu Chòi Q phạm tội " Đánh bạc".

1.1. Áp dụng: khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung 2009.

- Xử phạt bị cáo: Hứa Văn C 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hứa Văn C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh C giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo: Bàn Dào P 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bàn Dào P cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh C giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo: La Văn C1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo La Văn C1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh C giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo: Mông Văn C 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Mông Văn C3 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh C giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo: Quan Văn C 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Quan Văn C cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh C giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo: Nông Văn Th 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh C giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo: Nông Văn L3 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Văn L3 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh C giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo: Kê Văn Đ1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Kê Văn Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh C giám sát giáo dục.

- Xử phạt bị cáo: Hoàng Văn H2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Văn H2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh C giám sát giáo dục.

1.2. Áp dụng: khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46; Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung 2009.

- Xử phạt: Bị cáo Triệu Chòi Q 09 (Chín) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bị bắt vào trại thụ hình. Được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 8/11/2017 đến ngày 17/11/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung 2009, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) chiếc bát con, 01 (Một) chiếc đĩa, 04 (Bốn) quân bài hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá.

2.2. Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Tiền mặt 13.751.000,đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

2.3. Trả lại 06 (Sáu) điện thoại di động cho các bị cáo:

- Bị cáo Nông Văn L3 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng, số IMEL 1:354467/07/017731/9. IMEL 2: 354468/07/017731/7(vỡ màn hình, máy cũ đã qua sử dụng).

- Bị cáo Mông Văn C3 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen, số IMEL 353631/06/011136/1, IMEL 2: 353631/06/011137/9, vỡ màn hình đã qua sử dụng

- Bị cáo Triệu Chòi Q 01 (Một) điện thoại mặt trước có chữ VAT loại bàn phím, số IMEL 863407020160639;

- Bị cáo Bàn Dào P 01 (Một) điện thoại mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng nhãn hiệu VIVO máy đã qua sử dụng (Máy nguyên khối, có dán giấy ở ngoài mang tên Bàn Dào P, không mở được máy do cài đặt mật khẩu, không kiểm tra được số IMEL).

- Bị cáo Quan Văn C4 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, đã qua sử dụng (Máy nguyên khối, có dán giấy ở ngoài mang tên Quan Văn C4, không mở được máy do cài đặt mật khẩu, không kiểm tra được số IMEL);

- Bị cáo Hứa Văn C 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, mặt trước màu trắng, mặt sau màu bạc có số ID 2014CP4543, điện thoại đã qua sử dụng, đã vỡ màn hình.

Tạm giữ toàn bộ điện thoại, phát mại đảm bảo thi hành án cho các bị cáo Hứa Văn C, Bàn Dào P, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Nông Văn L3, Triệu Chòi Q.

+ Trả lại cho bị cáo Nông Văn Th số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nông Văn Th.

(Toàn bộ số vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2018).

3. Án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Các bị cáo Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Triệu chòi Q, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1, Hoàng Văn H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt các bị cáo Hứa Văn C, Nông Văn Th, Bàn Dào P, La Văn C1, Mông Văn C3, Quan Văn C4, Nông Văn L3, Kê Văn Đ1, Hoàng Văn H2, vắng mặt bị cáo Triệu Chòi Q. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: - *TAND tỉnh;* - *VKS tỉnh, VKS huyện;* - *STP;* - *THADS huyện;* - *Công an huyện, Trại giam;* - *Các bị cáo;* - *UBND xã T, UBND xã H, UBND xã X, UBND xã C, UBND xã K, UBND thị trấn B, huyện B; UBND xã C, huyện T;* - *Lưu.*	**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **DOANH THỊ MÂY**